

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1989; nơi cư trú: Đội 7, xã L, huyện T, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh H.

3. Người làm chứng:

+ Ông Phạm Văn M; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh H.

+ Bà Đoàn Thị C, sinh năm 1962; nơi cư trú: Đội 7, xã L, huyện T, thành phố H

(Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện G, tỉnh H tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con, không tôn trọng bên gia đình nhà vợ, thậm

trí còn nghi ngờ cho chị có quan hệ nam nữ không lành mạnh, từ đó vợ chồng luôn xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, hiện mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 02/12/2011, Phạm Anh , sinh ngày 04/10/2015. Hiện cháu T đang ở với chị, cháu D đang ở với anh T. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi cháu T, anh T tiếp tục nuôi cháu D. Chị và anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Văn T trình bày: Năm 2011 anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Đ, huyện G đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2011. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do chị G có quan hệ ngoài luồng, từ đó vợ chồng sống không tôn trọng nhau, không quan tâm gì đến nhau, vợ chồng sống ly thân 04 năm nay nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị G đề nghị ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 02/12/2011, Phạm Anh T, sinh ngày 04/10/2015, hiện nay cháu D đang ở với anh, cháu T đang ở với chị G, nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu D, chị G tiếp tục nuôi cháu T. Anh và chị G không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại chính quyền địa phương xã Đ, huyện G cung cấp: Anh T và chị G kết hôn với nhau vào năm 2011, sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại địa phương được thời gian ngắn nên trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được. Hiện tại anh T đang sinh sống tại địa phương, chị G không chung sống cùng với anh T, vợ chồng đã sống ly thân. Chị G khởi kiện ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con chung, hiện tại cháu D đang ở với anh T, cháu T đang ở với chị G. Nếu ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại lời khai của ông Phạm Văn M là bố đẻ anh Phạm Văn T trình bày: Chị G và anh T kết hôn với nhau vào năm 2011. Sau khi kết hôn anh T, chị G sống cùng với gia đình ông được khoảng 05 năm, sau đó anh chị đi Q làm ăn sinh sống được khoảng 2 năm thì hai vợ chồng đi lao động tại Đ. Thời gian vợ chồng chung sống tại gia đình ông có xảy ra mâu thuẫn, đến khi đi lao động tại Đ, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Đầu 2021 anh T về nước trước, chị G về sau, nhưng chị G không về gia đình ông. Sau khi về nước chị G chưa một lần hỏi thăm sức khỏe ông. Hiện anh T, chị G đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị G có đơn xin ly hôn anh T, thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị của bà Đoàn Thị C là mẹ đẻ của chị G trình bày: Anh T và chị G kết hôn với nhau vào năm 2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh nhau, nguyên nhân là do anh T chơi bời cờ bạc, không quan tâm chăm lo gì đến vợ con. Năm 2016 anh T, chị G đi xuất khẩu lao động tại Đ, trong thời gian này chị G có gọi điện về nói cho bà biết việc vợ chồng xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau, hiện chị G, anh T đều đã về nước làm ăn. Kể từ khi anh T đi đến khi anh T về nước cho đến nay anh T cũng không một lần đến gia đình bà hay gọi điện hỏi thăm sức khỏe của con. Bà xác định tình cảm vợ chồng anh T, chị G không còn, nay chị G đề nghị ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn anh T để anh, chị ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G, cho chị G được ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 02/12/2011 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Anh T, sinh ngày 04/10/2015 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi 18 tuổi. Anh T, chị G không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn T, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh H, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn anh Phạm Văn T. Tại phiên tòa, bị đơn anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Gi và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh H vào ngày 26/7/2011 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không tôn trọng nhau, không yêu thương nhau. Anh, chị đều xác định vợ chồng đã có thời gian ly thân dài, hiện mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị G xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Tại buổi hòa giải ngày 29/4/2022 anh, chị đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Ngày 05/5/2022 anh có đơn đề nghị thay đổi. Tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 vào ngày 24/5/2022 anh nhất trí ly hôn với điều kiện chị G phải giải quyết tài sản. Tại buổi làm việc ngày 14/6/2022 anh không nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án cho anh thời gian để tìm biện pháp cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Khi Tòa án triệu tập anh, chị tham gia phiên hòa giải (lần 3) vào ngày 21/6/2022 nhưng anh Toàn vắng mặt, qua đó thể hiện thái độ không chấp hành, không quan tâm đến việc hoà giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Điều đó chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị G, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có hai con chung là Phạm Thùy D, sinh ngày 02/12/2011, Phạm Anh T, sinh ngày 04/10/2015, hiện cháu D đang ở với anh T, cháu T đang ở với chị G. Quá trình giải quyết vụ án anh T và chị G đều có quan điểm anh T nuôi cháu D, chị G nuôi cháu T, hai anh chị đều không yêu cầu việc cấp dưỡng cho con. Hiện cháu D đang sống cùng với anh T và cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh T; cháu T đang sống cùng với chị G. Do vậy cần giao cháu D cho anh Toàn tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng để cho các cháu được ổn định môi trường sống, phù hợp với nguyện vọng của cháu và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con: Giao con là Phạm Anh T, sinh ngày 04/10/2015 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con là Phạm Thùy D, sinh ngày 02/12/2011 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị G và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0000642 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- UBND xã Đ, huyện G để ghi vào Sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Giang